

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	366.886.270	3.296.395.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.463.272.763	6.909.872.364
Thuế thu nhập cá nhân	162.772.955	42.675.075
Thuế tài nguyên	511.360.000	4.661.056.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	353.000	353.000
Các khoản phải nộp khác		
Phí môi trường	31.960.000	497.499.150
	3.536.604.988	15.407.852.340

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	61.127.912	20.497.961
Bảo hiểm xã hội	-	3.439.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.632.371.771	167.725.220
	4.693.499.683	191.662.281

13. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí khôi phục
	môi trường
	VND
Số dư đầu kỳ	-
Dự phòng lập trong kỳ	14.831.068.837
	14.831.068.837

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	63.000.000.000	4.500.000.000	56.153.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	66.165.019.665	195.628.632.827
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	66.323.202.054	66.323.202.054
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	(3.316.160.103)	(3.316.160.103)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(18.900.000.000)	(18.900.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	63.000.000.000	4.500.000.000	56.153.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	110.272.061.616	239.735.674.778
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	63.000.000.000	4.500.000.000	125.295.083.055	4.706.929.283	1.103.464.642	57.366.205.472	255.971.682.452
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	50.621.590.205	50.621.590.205
Phân bổ vào các quỹ (*)	-	-	(12.641.863.818)	-	-	13.103.358.340	461.494.522
Cổ tức (Thuyết minh số 16)	-	-	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	63.000.000.000	4.500.000.000	112.653.219.237	4.706.929.283	1.103.464.642	108.491.154.017	294.454.767.179

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 1 năm 2013, Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2012 cho các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỉ lệ lần lượt là 50% và 8% lợi nhuận sau thuế tương ứng là 69.141.863.818 VND và 11.062.698.211 VND và ghi nhận trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty ngày 31 tháng 3 năm 2013 đã ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐTN quyết định chỉ trích lập các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi lần lượt là 56.000.000.000 VND và 8.000.000.000 VND. Phần chênh lệch do phân bổ thừa đã được điều chỉnh chuyển lại vào lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.300.000	63.000.000.000	6.300.000	63.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	63.000.000.000	6.300.000	63.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.300.000	63.000.000.000	6.300.000	63.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

16. **Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/2013/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 1 năm 2013, Công ty tạm thời xác định tỷ lệ chia cổ tức trong năm 2012 là 63.000.000.000 VND của lợi nhuận thuần trong năm tương đương 100% vốn cổ phần bằng tiền mặt. Tuy nhiên, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2013 đã ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐTN quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2012 là 75.600.000.000 VND của lợi nhuận thuần trong năm tương đương 120% vốn cổ phần bằng tiền mặt. Phần cổ tức chênh lệch đã được ghi nhận bổ sung trong báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2013.

17. **Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã ra Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐTN quyết định phân phối 56.500.000.000 VND vào Quỹ đầu tư và phát triển.

18. **Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi	8.049.538.016	12.045.983.210
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	254.909.567	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.000.000	-
	8.309.447.583	12.045.983.210

20. Chi phí khác

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Các khoản chi phí thuế	-	2.622.047.971
Chi phí đóng góp cho Tỉnh Hà Giang (*)	4.410.000.000	-
Chi phí khác	307.205.620	916.115.222
	4.717.205.620	3.538.163.193

(*) Phản ánh khoản đóng góp theo Công văn số 563/CT - KTT ngày 3 tháng 7 năm 2013 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang về việc thực hiện đóng góp từ hoạt động khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2621/2012/QĐ – UBND ngày 3 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.

21. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	4.379.264.336	5.330.417.109

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	55.000.854.541	71.653.619.163
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.500.085.454	7.165.361.916
Ưu đãi thuế	(2.385.345.268)	(3.196.271.343)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.196.351.441	1.280.487.460
Chi phí không được khấu trừ thuế	40.695.563	80.839.076
Chênh lệch tạm thời	27.477.146	-
	4.379.264.336	5.330.417.109

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có liên quan và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Sau thời gian hưởng ưu đãi, Công ty sẽ áp dụng mức thuế suất phổ thông theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo quy định trên thì năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế Tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp theo Công văn số 555/CT-KTT.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất phổ thông là 25%. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, mức thuế suất phổ thông giảm xuống tương ứng còn 22% và 20% do thay đổi của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Ngày 23 tháng 7 năm 2013, Công ty triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 1:1 đồng thời thông báo đăng ký niêm yết và đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này. Do đó vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 126.000.000.000 VND.

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 50.621.590.205 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 66.323.202.054 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.600.000 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 – trình bày lại: 12.600.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	50.621.590.205	66.323.202.054
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	50.621.590.205	66.323.202.054

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 Trình bày lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	6.300.000	6.300.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 23 tháng 7 năm 2013	6.300.000	6.300.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	12.600.000	12.600.000

(iii) Điều chỉnh lại số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Theo số đã báo cáo	6.300.000	10.527
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 23 tháng 7 năm 2013	6.300.000	(5.263)
Số đã điều chỉnh lại	12.600.000	5.264

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát của Công ty thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	197.161.226.499	234.428.858.949
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	23.376.190.819	675.458.057
		220.537.417.318	235.104.317.006

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày kể từ ngày giao hàng hoặc theo thỏa thuận cụ thể cho từng đơn hàng nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày giao hàng. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: không).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

30/6/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.114.417.298	7.114.417.298	7.114.417.298	-
Phải trả dài hạn khác	9.000.000	9.000.000	-	9.000.000
	7.123.417.298	7.123.417.298	7.114.417.298	9.000.000

31/12/2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2 - 5 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	4.570.238.994	4.570.238.994	4.570.238.994	-
Phải trả dài hạn khác	9.000.000	9.000.000	-	9.000.000
	4.579.238.994	4.579.238.994	4.570.238.994	9.000.000

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD") và Nhân dân Tệ ("CNY").

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngăn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	USD	CNY	USD	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.187.318	11.588	1.182.357	3.131

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
VND/USD	21.036	20.828
VND/CNY	3.400	3.225

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lãi thuần VND
30/6/2013	
USD (mạnh thêm 2%)	449.575.586
CNY (mạnh thêm 1%)	354.593
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 2%)	443.270.459
CNY (mạnh thêm 1%)	90.841

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, không có khoản phải trả và nợ dài hạn của Công ty chịu lãi suất thả nổi.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	189.344.752.313	224.887.502.140
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	7.816.474.186	9.541.356.809

Các thay đổi về lãi suất không ảnh hưởng đáng kể đối với lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iii) Các rủi ro thị trường khác

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban quản lý rủi ro phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

(e) Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	197.956.105.539	234.428.858.949
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.376.190.819	675.458.057
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Các khoản đầu tư vào công cụ nợ	38.926.000.000	9.176.000.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(7.123.417.298)	(4.579.238.994)
	<u>253.134.879.060</u>	<u>239.701.078.012</u>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh thông tin theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này, và (ii) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Nguyên giá của tài sản cố định tăng tương ứng với khoản dự phòng chi phí khôi phục môi trường	14.831.068.837	-

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương	661.643.300	649.964.200
Tiền thưởng	142.025.900	203.170.600
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương	75.508.500	60.757.600
Tiền thưởng	1.800.000.000	3.200.000.000
Các khoản phúc lợi khác	306.000.000	261.000.000

26. Nợ tiềm tàng

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Điều 55, khoản 2 của Luật khoáng sản ngày 1 tháng 7 năm 2011 và Nghị định 15/2012/NĐ-CP ngày 9 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước một khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản liên quan chủ yếu tới trữ lượng khoáng sản tại ngày 1 tháng 7 năm 2011 còn được phép khai thác theo Giấy phép Khai thác Khoáng sản do Bộ Công nghiệp nay là Bộ Công Thương cấp. Do chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính và phương thức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, giá trị của khoản nợ tiềm tàng này chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy và do đó được coi là một vấn đề không chắc chắn trọng yếu. Do đó, Ban Giám đốc Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng nào trong báo cáo tài chính cho nghĩa vụ nợ tiềm tàng này.

27. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ

Sau khi kết thúc kỳ kế toán, ngày 21 tháng 7 năm 2013, Công ty công bố tạm ứng một khoản cổ tức với tỉ lệ là 25% vốn cổ phần tương đương với 31.500.000.000 VND. Số tiền phải trả chưa được trích trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	29.750.000.000	64.600.000.000

Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Quản trị, Công ty chủ trương gia tăng tỷ trọng đầu tư vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng thông qua hình thức mua thêm khoảng 3,4 triệu cổ phiếu để sở hữu khoảng 10% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện đầu tư được 1,7 triệu cổ phiếu tương đương 5,7% tổng số vốn điều lệ của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng. Trong thời gian tới Công ty tiếp tục theo dõi tiến độ và thuê tư vấn đánh giá để Hội đồng Quản trị quyết định kế hoạch tiếp tục đầu tư tiếp theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị hay chuyển sang đầu tư trung hạn.

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	605.836.800	599.846.400
Trong vòng 2 đến 5 năm	555.350.400	849.782.400
	1.161.187.200	1.449.628.800

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	8.639.773.646	7.581.277.088
Chi phí nhân công	10.286.067.704	4.040.381.102
Chi phí khấu hao	3.324.998.496	2.246.140.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.331.313.602	11.702.353.477
Chi phí khác	8.637.603.554	2.151.737.596

Ngày 14 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Hoàng Lê Khanh
Kế toán tổng hợp

Kế toán trưởng:



Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Ngọc Hiếu
Giám đốc

